



CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIÊM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐÔI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gò Đàng ("Công ty"/"Công ty mẹ") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã quản lý Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là:

Ông Nguyễn Văn Đạo	Chủ tịch
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Sơn Tùng	Thành viên
Ông Trần Xuyên Giáo	Thành viên
Ông Trương Thành Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bình	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên
Bà Trương Thị Thúy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đạo	Tổng Giám đốc
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuyên Giáo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tùng Dương	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tắt cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Đạo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 25 tháng 01 năm 2011



Số: 100/DFK-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Gò Đèn và các Công ty con
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kinh гори: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Gò Đèn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Gò Đèn ("Công ty") và các Công ty con ("Nhóm Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, được lập ngày 25 tháng 01 năm 2011, từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

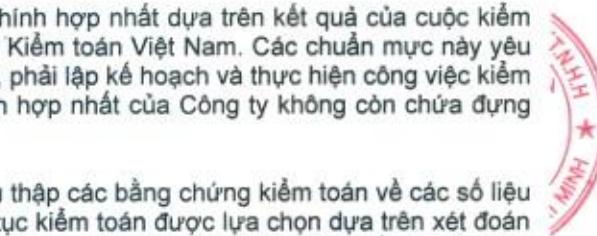
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gò Đèn và các Công ty con tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2010 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Tp. HCM, ngày 25 tháng 01 năm 2011



Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BẢNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. Tài sản ngắn hạn	100		289.108.785.943	195.810.161.144
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		9.787.790.083	20.395.952.196
1. Tiền	111	V.01	9.787.790.083	7.995.952.196
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	12.400.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	463.500.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		526.425.308	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(62.925.308)	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.03	94.523.444.789	85.984.117.379
1. Phải thu khách hàng	131		62.617.522.530	74.204.725.053
2. Trả trước cho người bán	132		8.530.598.121	3.491.447.654
3. Các khoản phải thu khác	138		26.269.517.380	8.287.944.672
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.894.193.242)	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.04	176.963.493.411	81.945.953.683
1. Hàng tồn kho	141		176.963.493.411	82.227.191.283
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(281.237.600)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		7.370.557.660	7.484.137.886
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.941.791.435	577.055.283
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.493.085.639	5.589.510.921
3. Các khoản thuế phải thu	152		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	935.680.586	1.317.571.682
B. Tài sản dài hạn	200		169.612.958.630	109.025.104.012
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		164.685.340.465	105.863.027.526
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	122.332.859.744	92.028.876.384
- Nguyên giá	222		159.770.192.906	117.842.933.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.437.333.162)	(25.814.057.560)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.08	37.123.142.169	8.704.490.075
- Nguyên giá	228		38.284.867.779	9.333.550.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.161.725.610)	(629.060.835)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.06	5.229.338.552	5.129.661.067
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	229		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		4.519.758.244	2.695.950.862
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	4.519.758.244	2.695.950.862
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	269	V.10	407.859.921	466.125.624
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		458.721.744.573	304.835.265.156

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BẢNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. Nợ phải trả	300		290.291.586.068	177.264.612.659
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		281.052.586.068	163.105.612.659
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	224.247.553.006	119.519.930.067
2. Phải trả cho người bán	312		40.580.665.718	28.065.195.044
3. Người mua trả tiền trước	313		2.610.086.826	1.493.375.489
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.12	465.445.524	312.326.514
5. Phải trả công nhân viên	315		3.069.606.425	2.239.209.234
6. Chi phí phải trả	316		2.442.709.721	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	6.991.820.514	10.969.788.676
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		644.698.334	505.787.635
<i>II. Nợ dài hạn</i>	320		9.239.000.000	14.159.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.14	9.239.000.000	14.159.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.15	168.430.158.505	127.570.652.497
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		168.430.158.505	127.570.652.497
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.306.550.000	31.306.550.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.654.633.488	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.728.367.679	3.616.734.255
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		50.740.607.338	12.647.368.242
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		458.721.744.573	304.835.265.156

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN

	31/12/2010	31/12/2009
1. Tài sản thuế ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gửi	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH - USD	47.169,36	119.287.57
Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH - EUR	3.653,50	4.127.38
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 01 năm 2011

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		597.525.446.317	510.225.616.868
2. Các khoản giảm trừ	03		2.694.751.600	4.974.050.253
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	594.830.694.717	505.251.566.615
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	468.471.779.182	434.229.902.109
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		126.358.915.535	71.021.664.506
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	16.149.594.783	6.489.122.562
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	17.636.274.949	9.759.879.504
- Trong đó: lãi vay	23		14.540.255.332	7.981.706.465
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	62.704.471.958	35.042.651.808
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	18.144.466.839	11.475.378.319
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		44.023.296.572	21.232.877.437
11. Thu nhập khác	31	VI.07	2.955.126.446	1.923.901.456
12. Chi phí khác	32	VI.08	4.438.650.226	893.820.599
13. Lợi nhuận khác	40		(1.483.523.780)	1.030.080.857
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		42.539.772.792	22.262.958.294
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		-	30.289.816
17. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.539.772.792	22.232.668.478
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		42.539.772.792	22.232.668.478
21. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	5.317	2.779

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
Kế toán trưởng
Ngày 25 tháng 01 năm 2011



NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	42.539.772.792	22.262.958.294
Điều chỉnh cho các khoản			
Khảo hao tài sản cố định	02	12.155.940.377	10.265.633.951
Các khoản dự phòng	03	2.675.880.950	281.237.600
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(592.954.335)
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(204.000.000)	99.388.547
Chi phí lãi vay	06	14.540.255.332	7.981.706.465
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	71.707.849.451	40.297.970.522
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(10.984.573.147)	(20.244.857.943)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(94.736.302.128)	23.824.178.311
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	9.884.450.198	(24.764.163.817)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(4.188.543.534)	153.283.776
Tiền lãi vay đã trả	13	(14.540.255.332)	(7.981.706.465)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(137.918.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(42.857.374.492)	11.146.785.584
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(70.978.253.316)	(16.438.552.387)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	90.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(526.425.308)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	58.265.703	-
Tiền thu lãi cho vay, cỗ tức và lợi nhuận được chia	27	204.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(71.242.412.921)	(16.348.552.387)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	310.740.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	(91.000.000)
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33	760.525.010.746	495.008.118.420
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(657.002.665.189)	(465.238.159.877)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cỗ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	-	(9.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	103.522.345.557	20.389.698.543
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10.577.441.856)	15.187.931.740
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.395.952.196	5.143.947.198
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	30.720.257	(64.073.258)
Tiền tồn cuối kỳ	70	9.787.790.083	20.395.952.196

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 01 năm 2011

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được định

I. Thông tin doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gò Đàng (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000064 ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty, thông qua Công ty mẹ và các công ty con, có hoạt động chính là thu mua thủy sản; chế biến thủy sản; nuôi trồng thủy sản; dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; đầu tư tài chính; mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản.

3. Địa chỉ

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Các công ty con

Công ty có 05 (năm) công ty con, được hợp nhất trong báo cáo tài chính.

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	% Tỷ lệ lợi ích	% Quyền biểu quyết
Công ty TNHH TM Gò Đàng	Số 202/33 đường Cô Bắc, quận 1, TP.HCM	Thu mua hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH XNK An Phát	Lô 45, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Chế biến hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	Lô 45, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Thu mua hàng thủy sản	100	100
Công ty CP Hiệp Thành V	Mỹ Thanh – Mỹ Phước – Mang Thịt – Vĩnh Long	Sản xuất và chế biến	100	100
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	Khu công nghiệp An Hiệp – Châu Thành – Bến Tre	Chế biến hàng thủy sản	100	100

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản Báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt

2. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

III. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ánh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gò Đàng và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phi hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

4. Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phi hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

7. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam (VND) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản công nợ dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

8. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng hàng hóa tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm hàng hóa tồn kho có thể xảy ra dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định (tiếp theo)

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
Tài sản cố định khác	03 - 06 năm

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được khấu theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được ghi nhận như tài sản cố định vô hình.

10. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

TNNH
Hàng

11. Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

12. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Các quỹ của Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính được lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm đầu tư mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích tinh thần cho công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Gò Đàng (Công ty mẹ) được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi (năm 2006) và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ hai Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50%.

Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát và Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức (các Công ty con) được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và thời gian miễn giảm thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 và Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2006 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và được hưởng các ưu đãi về đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo quy định về khuyến khích, ưu đãi đầu tư đầu tư ban hành theo Quyết định số 66/2005/QĐ-UBNN ngày 29/12/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Theo đó, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Công ty chỉ được hưởng các ưu đãi này nếu thực hiện đầu tư vào đúng lĩnh vực, địa bàn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là 100 người. Năm 2010 là năm thứ hai Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát được miễn thuế.

Công ty TNHH TM Gò Đàng áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo. Năm 2010 Công ty đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang nên chưa phát sinh thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần Hiệp Thành V được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2010 là năm cuối cùng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm cổ phiếu được mua bởi Nhóm Công ty mà đang được giữ như là cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, loại trừ các cổ phiếu phổ thông được Nhóm Công ty mua lại là cổ phiếu ngân quỹ cộng số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu sẽ được phát hành cho việc chuyển đổi tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

17. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các chính sách tài chính và hoạt động của bên kia. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

202901
CÔNG
ÂCH NHIÊN
KIỂM T
DF
VIỆT
HPT - TR

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

Phân loại theo tính chất

	31/12/2010	01/01/2010
Tiền mặt	3.177.138.330	3.085.618.851
Tiền gửi ngân hàng	6.610.651.753	4.910.333.345
Cộng	9.787.790.083	20.395.952.196

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	31/12/2010	01/01/2010
Công ty Cổ phần Gò Đàng	5.826.016.271	4.626.039.677
Công ty TNHH TM Gò Đàng	3.341.125.127	3.058.027.495
Công ty TNHH XNK TS An Phát	356.038.232	12.643.224.781
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	48.466.314	68.660.243
Công ty Cổ phần Hiệp Thành V	193.019.412	-
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	23.124.727	-
Cộng	9.787.790.083	20.395.952.196

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Đầu tư ngắn hạn	526.425.308	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(62.925.308)	-
Cộng	463.500.000	-

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	62.617.522.530	74.204.725.053
Trả trước cho người bán	8.530.598.121	3.491.447.654
Phải thu khác	3.1 26.269.517.380	8.287.944.672
Cộng	97.417.638.031	85.984.117.379
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.894.193.242)	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	94.523.444.789	85.984.117.379

(3.1) Chi tiết các khoản phải thu khác:

	31/12/2010	01/01/2010
Phải thu tiền cho ông Lê Quang Tuấn mượn	10.000.000.000	-
Phải thu tiền hoàn thuế	4.939.297.053	1.722.219.128
Phải thu ứng trước tiền đất và thi công công trình	10.559.350.600	5.370.255.000
Phải thu khác	770.869.727	1.195.470.544
Cộng	26.269.517.380	8.287.944.672

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4. Hàng tồn kho

Phân loại theo tính chất

	31/12/2010	01/01/2010
Nguyên vật liệu	33.175.035.305	293.992.302
Công cụ, dụng cụ trong kho	4.631.645.176	3.983.616.905
Chi phí sản xuất dở dang	64.879.470.078	29.862.567.889
Thành phẩm tồn kho	71.751.306.234	45.224.809.630
Hàng hóa tồn kho	35.615.698	2.862.204.557
Hàng gửi đi bán	2.490.420.920	-
Cộng	<u>176.963.493.411</u>	<u>82.227.191.283</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(281.237.600)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	176.963.493.411	81.945.953.683

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	31/12/2010	01/01/2010
Công ty Cổ phần Gò Đàng	176.754.876.907	71.119.174.787
Công ty TNHH TM Gò Đàng	179.879.004	10.639.131.401
Công ty TNHH XNK TS An Phát	-	187.647.495
Công ty Cổ phần Hiệp Thành V	28.737.500	-
Cộng	<u>176.963.493.411</u>	<u>81.945.953.683</u>

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Tạm ứng nhân viên	698.506.345	1.187.930.221
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	237.174.241	129.641.461
Cộng	<u>935.680.586</u>	<u>1.317.571.682</u>

6. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010	01/01/2010
Công trình khu nuôi cá	3.336.990.401	2.956.521.892
Mua sắm tài sản cố định	579.768.010	1.768.629.770
Các công trình khác	1.312.580.141	404.509.405
Cộng	<u>5.229.338.552</u>	<u>5.129.661.067</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: ngàn đồng	Cộng
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2010	38.832.989	70.262.578	6.440.678	808.803	1.497.886	117.842.934	
Tăng	15.847.362	23.914.867	1.571.210	57.456	536.365	41.927.259	
Giảm	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày 31/12/2010	54.680.350	94.177.445	8.011.888	866.259	2.034.251	159.770.193	
Khấu hao lũy kế							
Tại ngày 01/01/2010	12.314.224	11.223.854	973.407	396.686	905.887	25.814.058	
Tăng	4.723.793	5.637.729	813.280	171.114	277.361	11.623.278	
Giảm	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày 31/12/2010	17.038.017	16.861.583	1.786.687	567.800	1.183.248	37.437.333	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 31/12/2009	26.518.764	59.038.725	5.467.271	412.117	591.999	92.028.876	
Tại ngày 31/12/2010	37.642.333	77.315.863	6.225.201	298.459	851.002	122.332.858	

Tại ngày 31/8/2010, Công ty Cổ phần Gò Đàng đã tiến hành mua lại 100% Công ty Cổ phần Hiệp Thành V, khi tiến hành bàn giao quyền sở hữu, Công ty Cổ phần Hiệp Thành V đã không cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ gốc chứng minh quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Hiệp Thành V đối với toàn bộ tài sản cố định hữu hình làm căn cứ để ghi sổ và tính khấu hao. Do vậy, Cổ phần Hiệp Thành V đã tạm ghi nhận tài sản cố định theo giá trị còn lại của tài sản trên báo cáo tài chính tại ngày 31/8/2010 là 32.443.103.188 đồng và tính khấu hao trên giá trị tạm ghi nhận đó cho giai đoạn từ ngày 31/8/2010 đến ngày 31/12/2010 là 930.900.500 đồng.

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2010	9.284.656.870	48.894.040	9.333.550.910
Tăng	28.915.694.069	35.622.800	28.951.316.869
Giảm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	38.200.350.939	84.516.840	38.284.867.779
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01/01/2010	581.833.461	47.227.374	629.060.835
Tăng	528.623.256	4.041.519	532.664.775
Giảm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	1.110.456.717	51.268.893	1.161.725.610
Giá trị còn lại			
Tại ngày 31/12/2009	8.702.823.409	1.666.666	8.704.490.075
Tại ngày 31/12/2010	37.089.894.222	33.247.947	37.123.142.169

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

9. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2010	01/01/2010
Tiền thuê đất	9.1	622.031.864	638.329.640
Tiền thuê ao nuôi cá		2.410.266.831	-
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, ao nuôi cá		1.123.727.057	934.964.578
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ		363.732.492	1.122.656.643
Cộng		4.519.758.244	2.695.950.861

(9.1) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 10/HĐ-TLĐ ngày 31/12/2003 và phụ lục hợp đồng ngày 10/10/2007, diện tích thuê 5.000 m² đất tại lô 45 khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang, thời hạn thuê từ ngày 18/12/2002 đến ngày 20/9/2047. Tổng giá trị tiền thuê là 50.000.00 USD.

10. Lợi thế thương mại		31/12/2010	01/01/2010
Lợi thế thương mại		407.859.921	466.125.624

Giá trị lợi thế thương mại được kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 10 năm bắt đầu từ năm 2008.

11. Vay và nợ ngắn hạn		31/12/2010	01/01/2010
Vay ngắn hạn		219.327.553.006	114.599.930.068
Nợ dài hạn đến hạn trả		4.920.000.000	4.920.000.000
Cộng		224.247.553.006	119.519.930.068

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn			Đơn vị tính: ngàn đồng	
	Tại ngày 01/01/2010	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Tại ngày 31/12/2010
NH TMCP Xuất Nhập khẩu VN	11.1	53.737.464	447.022.269	(403.542.740)
NH TMCP Liên Việt		27.494.440	73.899.684	(101.394.124)
NH Ngoại Thương VN	11.2	10.000.000	27.700.000	(20.000.000)
NH Công Thương VN - CN 8	11.3	9.380.729	64.364.321	(69.965.712)
NH HSBC	11.4	-	50.775.780	(26.282.001)
NH Sài Gòn Thương Tín	11.5	-	21.471.450	(1.448.967)
NH Đông Á - CN Tiền Giang	11.6	-	4.700.000	-
NH TNCP Phương Tây	11.7	-	70.591.506	(29.367.078)
Vay cá nhân khác	11.8	13.987.297	-	(3.796.766)
Cộng		114.599.930	760.525.010	(655.797.388)
				219.327.553

(11.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - CN Hòa Bình theo Hợp đồng tín dụng số 1007LAV201001012 ngày 18/8/2010; hạn mức vay: 100 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay vào ngày 31/12/2010 là 48.752.000 ngàn đồng và USD 796,647 tương đương 63.834.103 ngàn đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 108/14/4 đường Ba Tháng Hai, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh;

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

11. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 251/13 đường Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, TP Hồ Chí Minh;
- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng tại Lô 45, Khu công nghiệp Mỹ Tho, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Quyền sử dụng 1.142,4 m² tại thửa đất số 124, tại Ấp Bình Tạo, xã Trung An, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Quyền sử dụng 1.688,9 m² tại thửa đất số 180, tại Ấp Bình Tạo, xã Trung An, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Quyền sử dụng 57.066,9 m² tại thửa đất số 95, tại Ấp 05, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Tôm, tỉnh Bến Tre;
- Quyền sử dụng 61.887,7 m² tại thửa đất số 192, tại Ấp 05, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Tôm, tỉnh Bến Tre;
- Quyền sử dụng 1.033,1 m² tại thửa đất số 82, tại Ấp 05, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Tôm, tỉnh Bến Tre;
- Quyền sử dụng 22.165,6 m² tại thửa đất số 86, tại Ấp 05, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Tôm, tỉnh Bến Tre;
- Quyền sử dụng 15.579,2 m² tại thửa đất số 91, tại Ấp 05, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Tôm, tỉnh Bến Tre;
- Quyền sử dụng 11.888,4 m² tại thửa đất số 72, tại Ấp 05, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Tôm, tỉnh Bến Tre;
- Quyền sử dụng 3.315,9 m² tại thửa đất số 84, tại Ấp 05, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Tôm, tỉnh Bến Tre;
- Quyền sử dụng 946,9 m² tại thửa đất số 85, tại Ấp 05, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Tôm, tỉnh Bến Tre;
- Quyền sử dụng 43.583,7 m² tại thửa đất số 83, tại Ấp 05, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Tôm, tỉnh Bến Tre;
- Nguồn thu từ việc xuất khẩu, hàng hoá lưu kho, nguyên vật liệu đảm bảo khả năng trả nợ vay.

Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu từ **Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - CN Hòa Bình** với lãi suất dao động từ 3,9% - 5%/năm. Số dư nợ vay chiết khấu tại ngày 31/12/2010 là USD 1,708,074.9 và EUR 37,908 tương đương 33.382.890 ngàn đồng.

(11.2) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Tiền Giang** theo hợp đồng tín dụng số 01/CV/0066/TD2/10LD ngày 10/5/2010; hạn mức tín dụng: 40 tỷ đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất vay từ 1,1% - 1,13%/tháng. Số dư tại ngày 31/12/2010 là 17,7 tỷ đồng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(11.3) Vay từ **Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh 8** theo hình thức chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu với số tiền là 199,627.00 USD tương đương 3.779.338.364 VND.

(11.4) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TNHH 1 thành viên HSBC Việt Nam** theo Hợp đồng tín dụng số VNM CDT 090928 ngày 16/3/2010; hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng; lãi suất vay 12%/năm và hợp đồng tín dụng số VNM 101497 ngày 28/09/2010; hạn mức tín dụng: 1,200,000 USD; lãi suất vay: lãi suất cho vay cơ bản của thời hạn tương ứng cộng 2%/năm. Số dư nợ vay vào ngày 31/12/2010 là 694,274 US\$ và 4,350,243 HKD tương đương 24.493.779 ngàn đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hoá tồn kho, thành phẩm và các khoản phải thu thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng.

(11.5) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín** theo hợp đồng tín dụng số LD 1033600041 ngày 02/12/2010; hạn mức tín dụng: 3,000,000 USD hoặc VND tương đương; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ khoảng 5%/năm. Số dư nợ vay vào ngày 31/12/2010 là 1,057,600 USD. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và toàn bộ hàng hoá hình thành từ vốn vay và hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

11. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

(11.6) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng Đông Á - CN Tiền Giang** theo hợp đồng tín dụng số H0057/1 ngày 04/11/2010; số tiền vay là 4.700.000 ngàn đồng; thời hạn vay là 02 tháng; lãi suất vay: 12,6%/năm. Số dư nợ vay vào ngày 31/12/2010 là 4.700.000 ngàn đồng. Tổng giá trị tài sản đảm bảo cho khoản vay này là 26.464.226 ngàn đồng bao gồm 350 tấn cá tra fillet NL 220/UP KDH và 368 tấn cá tr fillet NL 120/170 H tại kho của Công ty Cổ phần Gò Đàng.

(11.7) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Phương Tây - CN Tiền Giang** theo hợp đồng tín dụng và phụ lục số 0407/2010/HĐHM-DN.TG ngày 19/7/2010; hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng hoặc USD tương đương; lãi suất vay VND là 12,89%/năm và lãi suất vay USD là 4,56%/năm. Số dư khoản vay này vào ngày 31/12/2010 là 12,7 tỷ đồng và 1.506,678 USD tương đương 41.224.428 ngàn đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này theo hợp đồng thế chấp số 0407/2010/HĐTC-DN.TG, 0410/2010/HĐTC-DN.TG, 0510/2010/HĐTC-DN.TG, 0610/2010/HĐTC-DN.TG.

(11.8) Vay ngắn hạn từ cá nhân **Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc** theo 02 hợp đồng vay ký ngày 01/01/2009 với lãi suất vay dao động từ 0,9% - 1,1%/tháng. Số dư nợ vay vào ngày 31/12/2010 là 10.190.531 ngàn đồng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

12. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2010	01/01/2010
Thuế GTGT	437.199.926	286.217.214
Thuế xuất nhập khẩu phải nộp	28.245.598	-
Thuế TNDN phải nộp	-	26.109.300
Cộng	465.445.524	312.326.514

13. Phải trả khác	31/12/2010	01/01/2010
BHXH, BHYT, BHTN	115.600.720	169.863.397
Tiền vay mượn các cá nhân và tổ chức không lãi suất	3.145.943.305	7.354.436.400
Tiền nhận cọc mua phế phẩm, phế liệu, thuê nhà xưởng	3.168.500.001	3.328.500.000
Các khoản phải trả khác	561.776.489	116.988.879
Cộng	6.991.820.515	10.969.788.676

14. Vay và nợ dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
Vay dài hạn	14.159.000.000	19.079.000.000
Trừ các khoản vay dài hạn đến hạn trả	(4.920.000.000)	(4.920.000.000)
Tổng cộng	9.239.000.000	14.159.000.000

Chi tiết các khoản vay ngân hàng	Đơn vị tính: ngàn đồng		
	Tại ngày 01/01/2010	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ
	Tại ngày 31/12/2010		
Ngân hàng TMCP Liên Việt	19.079.000	-	(4.920.000)
			14.159.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

14. Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

Vay từ ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) - CN TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 377-09/HĐTD-HCM ngày 09/9/2009; số tiền vay: 20,309 tỷ; ngày đáo hạn: 05/10/2013; mục đích vay: Tái tài trợ khoản vay trung hạn xây kho lạnh cho thuê và khoản vay dài hạn xây dựng nhà xưởng sản xuất theo HĐTD số 07.0061/HĐDH ngày 05/4/2007 và HĐTD số 07.0150/HĐTH ngày 12/11/2007 ký giữa Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát và Ngân hàng Công thương Chi nhánh 8; lãi suất: 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Nhà xưởng chế biến thủy sản của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát tại lô 25 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 828152828500002 do UBND tỉnh Tiền Giang cấp ngày 08/4/2009. Giá trị tài sản đảm bảo là 21,9 tỷ đồng, chi tiết tài sản theo biên bản định giá ngày 25/7/2009.
- Kho lạnh 3.000 tấn và hệ thống thiết bị lạnh của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 29,34 tỷ đồng, chi tiết theo biên bản định giá tài sản ngày 25/7/2009.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	01/01/2010
Trong vòng một năm	4.920.000.000	4.920.000.000
Trong năm thứ hai	4.920.000.000	4.920.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.319.000.000	9.239.000.000
Cộng	<u>14.159.000.000</u>	<u>19.079.000.000</u>
Trừ số phải trả trong năm 2010	(4.920.000.000)	(4.920.000.000)
Số còn phải trả	9.239.000.000	14.159.000.000

15. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng, được chia thành 8.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng. Tại ngày 31/12/2010, các cổ đông đăng ký và góp vốn thực tế như sau:

Cổ đông	Vốn đăng ký		Vốn thực góp	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Cổ đông sáng lập				
Nguyễn Văn Đạo	500.000	5.000.000.000	1.734.160	17.341.600.000
Nguyễn Thị Thanh Trúc	500.000	5.000.000.000	1.634.160	16.341.600.000
Lê Sơn Tùng	600.000	6.000.000.000	1.008.101	10.081.010.000
Nhóm cổ đông khác				
Công ty CP Sành sứ Thuỷ tinh Việt Nam	-	-	1.101.188	11.011.880.000
Lê Thị Liêm	-	-	801.088	8.010.880.000
Cổ đông khác	6.400.000	64.000.000.000	1.721.303	17.213.030.000
Cộng	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

15. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 01/01/2010	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 31/12/2010
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	31.306.550.000	-	-	31.306.550.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.654.633.488	-	1.654.633.488
Quỹ đầu tư phát triển	3.616.734.255	1.111.633.424	-	4.728.367.679
Lợi nhuận chưa phân phối	12.647.368.242	42.539.772.792	(4.446.533.696)	50.740.607.338
Cộng	127.570.652.497	45.306.039.704	(4.446.533.696)	168.430.158.505

Vào ngày 07/01/2010, Công ty đã niêm yết 8.000.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 177/QĐ-SDGHCN ngày 28/12/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

	Năm 2010	Năm 2009
Trích quỹ đầu tư phát triển	1.111.633.424	860.597.147
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.334.900.272	344.238.858
Chia cổ tức cho cổ đông	-	9.600.000.000
Cộng	4.446.533.696	10.804.836.005

b - Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần

Phân loại theo tính chất

	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	520.172.330.545	484.723.668.167
Doanh thu bán hàng - Trong nước	66.822.061.406	15.730.129.260
Doanh thu khác	10.531.054.366	9.771.819.441
Cộng	597.525.446.317	510.225.616.868
Trừ		
Giảm giá hàng bán	-	(666.039.531)
Hàng bán bị trả lại	(2.694.751.600)	(4.308.010.722)
Cộng doanh thu thuần	594.830.694.717	505.251.566.615

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Năm 2010	Năm 2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	495.125.452.474	362.803.945.999
Công ty TNHH TM Gò Đàng	98.813.840.025	139.290.551.118
Công ty TNHH XNK TS An Phát	813.362.218	160.348.329
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	78.040.000	2.996.721.169
Cộng doanh thu thuần	594.830.694.717	505.251.566.615

2. Giá vốn hàng bán

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Năm 2010	Năm 2009
Giá vốn hàng bán	468.471.779.182	433.948.664.509
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	281.237.600
Cộng	468.471.779.182	434.229.902.109

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Năm 2010	Năm 2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	362.181.245.189	310.528.706.002
Công ty TNHH TM Gò Đàng	60.739.945.982	94.908.969.157
Công ty TNHH XNK TS An Phát	37.348.417.031	28.783.343.967
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	2.717.345.500	8.882.983
Công ty Cổ phần Hiệp Thành V	5.484.825.480	-
Cộng	468.471.779.182	434.229.902.109

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Phân loại theo tính chất

	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền gửi	354.421.741	1.254.230.009
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.669.627.934	5.229.675.230
Cổ tức được chia	204.000.000	-
Bất lợi thương mại	4.874.997.791	-
Thu nhập tài chính khác	46.547.317	5.217.323
Cộng	16.149.594.783	6.489.122.562

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Năm 2010	Năm 2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	9.150.225.435	3.848.268.586
Công ty TNHH TM Gò Đàng	1.866.246.609	2.431.297.941
Công ty TNHH XNK TS An Phát	257.071.120	139.296.606
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	944.326	70.259.428
Công ty Cổ phần Hiệp Thành V	109.502	-
Bất lợi thương mại	4.874.997.791	-
Cộng	16.149.594.783	6.489.122.562

4. Chi phí hoạt động tài chính

Phân loại theo tính chất

	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí lãi vay	14.540.255.332	7.981.706.465
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	62.925.308	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.211.645.617	1.778.173.039
Lỗ kinh doanh chứng khoán	821.448.692	-
Cộng	17.636.274.949	9.759.879.504

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Năm 2010	Năm 2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	13.511.805.096	5.456.024.869
Công ty TNHH TM Gò Đàng	1.571.027.350	1.858.782.044
Công ty TNHH XNK TS An Phát	2.553.442.503	2.388.041.460
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	-	57.031.131
Cộng	17.636.274.949	9.759.879.504

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5. Chi phí bán hàng

Phân loại theo tính chất

	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí vật liệu, bao bì	26.765.241.582	2.847.063.928
Chi phí vận chuyển, cước tàu ...	32.223.501.810	28.091.582.848
Chi hoa hồng môi giới	1.130.672.574	1.951.978.913
Chi phí bằng tiền khác	2.585.055.992	2.152.026.119
Cộng	62.704.471.958	35.042.651.808

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Năm 2010	Năm 2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	52.785.027.083	21.622.346.769
Công ty TNHH TM Gò Đàng	9.919.444.875	13.278.777.635
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	-	141.527.404
Cộng	62.704.471.958	35.042.651.808

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phân loại theo tính chất

	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí nhân viên quản lý	7.442.722.213	5.319.548.412
Chi phí công cụ dụng cụ	1.142.243.329	1.410.004.123
Chi phí khấu hao TSCĐ	993.948.695	908.259.386
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.218.200.773	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.220.558.300	1.833.377.936
Lợi thế thương mại	58.265.703	116.531.406
Chi phí bằng tiền khác	5.068.527.826	1.887.657.056
Cộng	18.144.466.839	11.475.378.319

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Năm 2010	Năm 2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	14.097.573.014	8.435.793.680
Công ty TNHH TM Gò Đàng	3.441.357.172	2.189.406.203
Công ty TNHH XNK TS An Phát	354.215.178	664.685.462
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	4.109.741	68.961.568
Công ty Cổ phần Hiệp Thành V	188.946.031	-
Lợi thế thương mại	58.265.703	116.531.406
Cộng	18.144.466.839	11.475.378.319

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

7. Thu nhập khác	Năm 2010	Năm 2009
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	90.000.000
Thu nhập từ bán phế liệu	1.155.114.117	-
Thu hỗ trợ tiền bù lỗ	1.038.117.131	-
Các khoản cho thuê kho bãi, tiền phạt và các khoản khác	761.895.198	1.833.901.456
Cộng	2.955.126.446	1.923.901.456
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.539.772.792	22.232.668.478
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	42.539.772.792	22.232.668.478
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.317	2.779

VII. Các thông tin khác

1. Nghệp vụ với các Bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghệp vụ	Năm 2010	Năm 2009
Ông Lê Quang Tuấn	Phó CT HĐQT	Cho mượn	10.000.000.000	-

Số dư công nợ với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghệp vụ	31/12/2010	31/12/2009
<i>Phải trả khác</i>				
Nguyễn Thị Thanh Trúc	Cổ đông sáng lập	Cho vay	9.690.531.000	17.909.281.280
Công ty CP Sành sứ Thủy tinh VN	Cổ đông	Cho mượn	-	1.321.425.600
Lê Sơn Tùng	Cổ đông	Cho mượn	1.695.517.000	2.111.026.800

ÔNG TY
TRÍ HIỆM HỘI
KIỂM TOÁN
DFK
VIỆT NAM
4 - TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 01 năm 2011



NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

